**ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁI NGUYÊN**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÁO CÁO THỰC TẬP CƠ SỞ**

**MÔN HỌC: Thực tập cơ sở**

**TÊN CHỦ ĐỀ:** **Tìm hiểu HTML, CSS thiết kế giao diện trang website bán hàng**

**NGƯỜI THỰC HIỆN: Nguyễn Vương Dần**

**LỚP:** **CNTT-K16C**

**GVHD: Dương Thu Mây**

**NĂM HỌC: 2019 – 2020**

**MỞ ĐẦU**

Ngày nay, thiết kế giao diện web là công đoạn quan trọng nhất quyết định sức hấp dãn của doanh nghiệp khi người dùng ghé thăm. Thiết kế giao diện web không những cần phải ấn tượng, độc đáo mà còn chứa nội dung dễ nhìn, thân thiện với người xem. Trên thực tế, việc chọn một phong cách thiết kế có đúng ý muốn của bạn hay không còn phụ thuộc vào các yếu tố như ngân sách, thời gian, khả năng của người thiết kế web,.... Vì vậy em chọn đề tài *Tìm hiểu HTML, CSS thiết kế giao diện trang webite bán hàng* để làm báo cáo cho môn thực tập cơ sở của em.

Do kiến thức và kinh nghiệm của bản thân em còn hạn chế nên việc thực hiện không thể tránh khỏi nhứng thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô để bài của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin trân thành cảm ơn cô Dương Thu Mây đã giúp em hoàn thành báo cáo này.

**MỤC LỤC**

[**Chương 1: Cơ sở lý thuyết** 4](#_Toc44512535)

[**1.1. Giới thiệu chung về lập trình web** 4](#_Toc44512536)

[**1.1.1. Lập trình web** 4](#_Toc44512537)

[**1.1.2. Giới thiệu chung** 4](#_Toc44512538)

[**1.2. Giới thiệu về HTML** 6](#_Toc44512539)

[**1.2.1. HTML** 6](#_Toc44512540)

[**1.2.2. Đánh dấu** 6](#_Toc44512541)

[**1.2.3. Tách phần trình bày và nội dung** 6](#_Toc44512542)

[**1.2.4. Cấu trúc trang HTML** 7](#_Toc44512543)

[**1.3. Giới thiệu về CSS** 7](#_Toc44512544)

[**1.3.1. CSS** 7](#_Toc44512545)

[**1.3.2. Ưu điểm của CSS** 7](#_Toc44512546)

[**1.3.3. Hoạt động của CSS** 8](#_Toc44512547)

[**Chương 2: Xây dựng chương trình** 9](#_Toc44512548)

[**2.1. Nội dung chức năng:** 9](#_Toc44512549)

[**2.2. Chương trình demo** 11](#_Toc44512550)

[**Kết luận** 12](#_Toc44512551)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 13](#_Toc44512552)

# **Chương 1: Cơ sở lý thuyết**

## **1.1. Giới thiệu chung về lập trình web**

### **1.1.1. Lập trình web**

Lập trình Web, về bản chất, là viết chương trình chạy trên các hệ thống đầu cuối khác nhau và giao tiếp với nhau qua mạng. Ví dụ, ứng dụng web bao gồm hai chương trình riêng biệt giao tiếp với nhau: trình duyệt chạy trên máy của người dùng (máy tính bàn, máy tính xách tay, thiết bị cầm tay, điện thoại thông minh, v.v..); chương trình máy chủ web chạy trên một máy tính riêng. Ứng dụng mạng có thể viết bằng rất nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau: C/C++, Java, Python, C#, Visual Basic v.v..

### **1.1.2. Giới thiệu chung**

Vào năm 1989, Tim Berners Lee, nhà khoa học tại phòng thí nghiệm vật lý Châu Âu CERN (Conseil European pour la Recherche Nucleaire) đưa ra ý tưởng “Bất kỳ một cá nhân nào, đang sử dụng bất kỳ loại máy tính nào, ở bất kỳ nơi nào, đều có thể truy cập được dữ liệu trên Internet chỉ nhờ sử dụng một chương trình đơn giản”. Khi đó Tim Berner Lee đã viết một chương trình lưu trữ dữ liệu tên là “Enquire” là cơ sở để sau này phát triển chương trình cho Web Server và Web Client đầu tiên. Chương trình này được bắt đầu vào tháng 12 năm 1990 tại CERN và được quảng bá vào mùa hè năm 1991. Cũng vào thời gian này đã có nhiều công trình chuẩn hoá các hệ thống Hypertext, các nỗ lực này tập trung vào lĩnh vực Internet theo sự phát triển của Hypertext Markup Language, hay HTML, được thiết lập bởi Tim Berner Lee. Phiên bản đầu tiên này bây giờ gọi là HTML 1.0. Đây được coi là xuất xứ và nền tảng của World-Wide-Web.

Word Wide Web (thường được gọi tắt là Web) là mạng lưới nguồn thông tin cho phép mọi người khai thác thông tin qua một số công cụ hoặc là chương trình hoạt động cùng các giao thức mạng. World Wide Web là một trong số các dịch vụ của Internet nhằm giúp cho việc trao đổi thông tin trở nên thuận tiện và dễ dàng. Sở dĩ Web trở nên phổ biến vì Web cung cấp cho người sử dụng khả năng truy cập dễ dàng, từ đó người sử dụng có thể khai thác các thông tin đa dạng trên Internet (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video).

Những thông tin trên web được biểu diễn trên các trang web (webpage), theo đúng nghĩa đen của từ “trang” mà chúng ta có thể nhìn thấy trên màn hình máy tính. Mọi thông tin đều có thể biểu thị trên trang Web, đồng thời có khả năng liên kết với những trang Web khác và dẫn người dùng đến những nguồn thông tin khác. Khả năng này của Web có được là nhờ thông qua các siêu liên kết (hyperlink). Bằng những siêu liên kết này, các trang Web có thể liên kết với nhau thành một mạng lưới rộng lớn, và đó cũng là nguồn gốc của thuật ngữ web (nghĩa là mạng nhện trong tiếng Anh). Tập hợp các trang web dưới cùng một tên miền tạo thành một website.

Trên Internet hiện nay có hàng triệu website đang hoạt động với đủ các hình thức và chức năng khác nhau. Tuy nhiên, có thể phân biệt một số loại website thường gặp:

Website giới thiệu: là loại website căn bản và đơn giản nhất, dùng để giới thiệu về một cá nhân hay một đơn vị. Website loại này chứa ít trang, ít tốn kém và dễ làm nhất.

Website lưu trữ thông tin: còn gọi là thư viện điện tử, chứa các thông tin chuyên môn được sắp xếp thành nhiều đề mục, nhiều tiêu đề dễ tra cứu. Website lưu trữ phải được cập nhật thường xuyên thông tin mới và được sắp xếp sao cho người xem tìm ngay được thông tin mình muốn tìm.

Website truyền dữ liệu: là loại website được thiết kế đặc biệt để thu nhận thông tin từ xa. Một cơ quan hay một doanh nghiệp làm công tác quản lý chương trình có nhiều đơn vị vệ tinh thay vì phải đến tận đơn vị ở quận huyện, tỉnh thành khác để ghi chép thông tin thì nay có thể ngồi tại chỗ để nhận thông tin qua mạng Internet và chỉ việc kiểm chứng, đánh giá thông tin trước khi nhập vào kho thông tin chung. Website này thuộc hàng cao cấp có nhiều chương trình lồng trong trang web, đòi hỏi nhà thiết kế phải có trình độ nhất định trong cả lãnh vực điện toán lẫn chuyên môn.

Website thương mại: chứa thông tin hàng hoá và dịch vụ, chứa nhiều form và chứa các script tính toán để người tiêu dùng có thể mua và trả tiền ngay qua website.

Hiện nay bên cạnh thuật ngữ website còn thường sử dụng thuật ngữ ứng dụng web (TA: web application hay web app). Trong đa số các trường hợp hai thuật ngữ này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau và khó phân biệt. Nếu một website cung cấp nhiều chức năng tập trung vào một mảng nào đó (gần giống như một ứng dụng cho máy desktop) thì cũng được gọi là một ứng dụng web.

Tổng hợp các ứng dụng web của một tổ chức như thư điện tử, chia sẻ tài liệu, lịch công tác, v.v., thông qua giao diện Web tạo thành một hệ thống lớn gọi là cổng thông tin điện tử (TA: web portal). Cổng thông tin là công cụ đắc lực cho các hoạt động của mọi doanh nghiệp, giúp người dùng có thể tận dụng tối đa những tài nguyên có sẵn và nâng cao giá trị của thông tin.

## **1.2. Giới thiệu về HTML**

### **1.2.1. HTML**

HTML (tiếng Anh, viết tắt cho *HyperText Markup Language*, hay là "Ngôn ngữ Đánh dấu Siêu văn bản") là một ngôn ngữ đánh dấu được thiết kế ra để tạo nên các trang web với các mẩu thông tin được trình bày trên World Wide Web. Cùng với CSS và JavaScript, HTML tạo ra bộ ba nền tảng kỹ thuật cho World Wide Web. HTML được định nghĩa như là một ứng dụng đơn giản của SGML và được sử dụng trong các tổ chức cần đến các yêu cầu xuất bản phức tạp. HTML đã trở thành một chuẩn Internet do tổ chức World Wide Web Consortium (W3C) duy trì. Phiên bản chính thức mới nhất của HTML là HTML 4.01 (1999). Sau đó, các nhà phát triển đã thay thế nó bằng XHTML. Hiện nay, HTML đang được phát triển tiếp với phiên bản HTML5 hứa hẹn mang lại diện mạo mới cho Web.

Bằng cách dùng HTML động hoặc Ajax, lập trình viên có thể được tạo ra và xử lý bởi số lượng lớn các công cụ, từ một chương trình soạn thảo văn bản đơn giản – có thể gõ vào ngay từ những dòng đầu tiên – cho đến những công cụ xuất bản WYSIWYG phức tạp. Hypertext là cách mà các trang Web (các tài liệu HTML) được kết nối với nhau. Và như thế, đường link có trên trang Web được gọi là Hypertext.Như tên gọi đã gợi ý, HTML là ngôn ngữ đánh dấu bằng thẻ (Markup Language), nghĩa là bạn sử dụng HTML để đánh dấu một tài liệu text bằng các thẻ (tag) để nói cho trình duyệt Web cách để cấu trúc nó để hiển thị ra màn hình.

### **1.2.2. Đánh dấu**

Có bốn loại phần tử đánh dấu trong HTML:

-Đánh dấu Có cấu trúc mieu tả mục đích của phần văn bản.

-Đánh dấu trình bày miêu tả phần hiện hình trực quan của phần văn bản bất kể chức năng của nó là gì(Chú ý: cách dùng đánh dấu trình bày này bây giờ không còn được khuyên dùng mà nó được thay thế bằng cách dùng CSS).

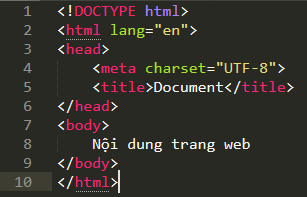
-Đánh dấu liên kết ngoài chứa phần liên kết từ trang này đến trang kia.

-Các phần tử thành phần điều khiển giúp tạo ra các đối tượng.

### **1.2.3. Tách phần trình bày và nội dung**

Nỗ lực tách phần nội dung ra khỏi phần hình thức trình bày của trang HTML đã đưa đến sự xuất hiện của các chuẩn mới như XHTML. Các chuẩn này nhấn mạnh vào việc sử dụng thẻ đánh dấu vào việc xác định cấu trúc tài liệu như phần đề mục, đoạn văn, khối văn bản trích dẫn và các bảng, chứ không khuyên dùng các thẻ đánh dấu mang tính chất trình bày trực quan, như <font>, <b> (in đậm), <i>(in nghiêng), <u>(gạch chân). Những mã mang tính chất trình bày đó đã được loại bỏ khỏi HTML 4.01 Strict và các đặc tả XHTML nhằm tạo điều kiện cho CSS. CSS cung cấp một giải pháp giúp tách cấu trúc HTML ra khỏi phần trình bày của nội dung của nó. Xem phần tách nội dung và trình bày.

### **1.2.4. Cấu trúc trang HTML**



## **1.3. Giới thiệu về CSS**

### **1.3.1. CSS**

**CSS (**Cascading Style Sheet language**)** là ngôn ngữ tạo phong cách cho trang web. Nó dùng để tạo phong cách và định kiểu cho những yếu tố được viết dưới dạng ngôn ngữ đánh dấu, như là HTML. Nó có thể điều khiển định dạng của nhiều trang web cùng lúc để tiết kiệm công sức cho người viết web. Nó phân biệt cách hiển thị của trang web với nội dung chính của trang bằng cách điều khiển bố cục, màu sắc, và font chữ.

CSS được phát triển bởi **W3C** (World Wide Web Consortium) vào năm 1996, vì một lý do đơn giản. HTML không được thiết kế để gắn tag để giúp định dạng trang web. Bạn chỉ có thể dùng nó để “đánh dấu” lên site.

Những tag như **<font>**được ra mắt trong HTML phiên bản 3.2, nó gây rất nhiều rắc rối cho lập trình viên. Vì website có nhiều font khác nhau, màu nền và phong cách khác nhau. Để viết lại code cho trang web là cả một quá trình dài, cực nhọc. Vì vậy, CSS được tạo bởi W3C là để giải quyết vấn đề này.

Mối tương quan giữa HTML và CSS rất mật thiết. HTML là ngôn ngữ markup (nền tảng của site) và CSS định hình phong cách (tất cả những gì tạo nên giao diện website), chúng là không thể tách rời.

CSS về lý thuyết không có cũng được, nhưng khi đó website sẽ không chỉ là một trang chứa văn bản mà không có gì khác.

### **1.3.2. Ưu điểm của CSS**

Sự khác biệt giữa site có CSS và không có CSS rất dễ nhận biết.

Chắc bạn đã thấy rồi, khi website không load được đầy đủ và chỉ có nền trắng và chữ thì chỉ có màu đen và xanh.

Điều này có nghĩa là thành phần CSS của bạn không tải lên được hay nó không tồn tại.

Trước khi sử dụng CSS, tất cả những phong cách của CSS cần được đính kèm vào trong HTML markup. Có nghĩa là bạn cần tách ra để xác định các thành phần như background, font colors, canh hàng, vân vân.

CSS giúp bạn định kiểu trên một file khác, bạn có thể tạo phong cách trước rồi sau đó tích hợp file CSS lên trên cùng của file HTML. Việc này giúp HTML markup rõ ràng và dễ quản lý hơn nhiều.

Tóm lại,với CSS bạn không cần lặp lại các mô tả cho từng thanh phần. Nó tiết kiệm thời gian, làm code ngắn lại để bạn có thể kiểm soát lỗi dễ dàng hơn.

### **1.3.3. Hoạt động của CSS**

CSS sử dụng cấu trúc tiếng Anh đơn giản để tạo ra một bộ các quy tắc bạn có thể tận dụng. Như đã nói ở trên, HTML không được dùng để tạo phong cách cho các yếu tố, nó chỉ đánh dấu từng phần để biết được yếu tố đó là gì thôi.

Còn làm thế nào để tạo ra phong cách cho văn bản đó? Syntax của CSS rất đơn giản. Nó có phần block chọn và block khai báo. Bạn chọn một yếu tố và khai báo làm gì với nó.

Selector sẽ trỏ về yếu tố HTML bạn cần muốn tạo phong cách. Block khai báo sẽ bao gồm một hay nhiều khai báo cách nhau bởi dấu chấm phẩy.

Mỗi khai báo bao gồm một tên CSS và giá trị, cách nhấn bởi dấu 2 chấm. Khai báo CSS luôn kết thúc bằng dấu chấm phẩn, và block khai báo được đặt trong dấu ngoặc nhọn.

# **Chương 2: Xây dựng chương trình**

## **2.1. Nội dung chức năng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Các module cơ bản của website | Mô tả tính năng của website bán hàng |
| 1. Thiết kế giao diện tổng thể - Trang chủ | - Trang chủ được thiết kế chuyên nghiệp với đồ họa được thiết kế theo yêu cầu riêng biệt.  - Các thành phần ảnh động, media…  - Bao gồm thiết kế mỹ thuật 01 trang giao diện dùng cho cả trang chủ.  - Đồ họa đẹp, ấn tượng, phong cách. |
| 2. Danh mục sản phẩm | Các Sản phẩm được trình bày theo danh mục sản phẩm gồm có 2 cấp danh mục.  Khách hàng có thể tìm kiếm các sản phẩm một cách dễ dàng thông qua công cụ tìm kiếm hoặc dựa trên cách trình bày theo danh mục sản phẩm.  Sau khi chọn được Sản phẩm ưng ý khách hàng có thể chọn tiếp các sản phẩm khác và liên hệ đặt hàng.  Module sản phẩm sẽ được chia làm nhiều danh mục.  Là module con trong hệ thống website bán hàng, tạo nên hệ thống hoàn chỉnh cho website bán hàng trực tuyến.  ***Tính năng dành cho người quản trị:***  Dễ dàng đưa sản phẩm, dịch vụ lên website. Bạn hoàn toàn có thể tạo ra số lượng không hạn chế các danh mục và danh mục con để quản lý một số lượng sản phẩm lớn như tìm kiếm hàng đầu, dành riêng cho bạn… Mỗi sản phẩm đều có thể hiển thị theo nhiều kiểu hình ảnh kèm theo những mô tả chi tiết về sản phẩm (màu sắc, kích cỡ…), bảng giá và tất cả các thông tin liên quan đến sản phẩm.  Tuỳ ý chỉnh sửa, kiểm tra, thêm mới hoặc xoá bỏ một sản phẩm hay một danh mục sản phẩm. Hệ thống báo cáo giúp người quản trị nắm được số lượng người mua sắm sản phẩm qua mạng, những khách hàng nào mua nhiều nhất, bạn nhận được bao nhiêu đơn đặt hàng theo ngày, tháng, quý… cũng như danh sách các sản phẩm bán chạy nhất.  ***Tính năng dành cho khách hàng:***  Có thể theo dõi đơn đặt hàng của mình vào bất cứ thời điểm nào. Khách hàng hoàn toàn kiểm soát chi tiết đơn đặt hàng của mình đã được thực hiện như thế nào.  Hệ thống tìm kiếm giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm sản phẩm mà mình mong muốn bằng cách nhập vào một từ khóa. Products Catalog sẽ liệt kê tên kèm theo những mô tả và các thông tin liên quan về sản phẩm. |
| 3. Giỏ hàng | Là module con trong hệ thống bán hàng, cho phép người dùng bán hàng, mua hàng trực tuyến. Module này đặc biệt hữu ích cho những người bán lẻ, các nhà phân phối, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa…  Shopping Cart cho phép khách hàng đặt hàng trực tuyến thông qua website, đồng thời cung cấp hệ thống thanh toán trực tuyến dễ dàng, tiện lợi. Khách hàng có thể tự quản lý, theo dõi đơn đặt hàng của mình. Họ có thể huỷ bỏ hoặc thay đổi chi tiết đơn đặt hàng trong một khoảng thời gian cho phép.  Hệ thống báo cáo bán hàng cho phép người quản trị quản lý được số đơn đặt hàng. Số liệu thống kê được cập nhật liên tục theo thời gian (theo giờ, theo ngày, theo tháng, theo quý, theo năm), theo loại sản phẩm... giúp người quản trị biết loại sản phẩm nào được đặt nhiều nhất, loại nào ít nhất… và trong khoảng thời gian nào. |
| 4. Download | Là module giúp người bán hàng dễ dàng chia sẻ tài nguyên vào bất cứ thời gian nào.  ***Tính năng đối với người quản trị:***  Upload tài liệu, tổ chức lưu trữ, quản lý trên máy chủ để sử dụng làm tài nguyên tải về cho người dùng.  Cho phép tạo ra các thư mục và thư mục con, giúp dễ dàng tổ chức, quản lý các tài nguyên mà người bán chia sẻ. |
| 5. Tiện ích cho website | Tra cứu: cho phép người duyệt web có thể thực hiện tìm kiếm thông tin trên site thông qua gõ từ hoặc nhóm từ cần tìm dạng free text  **Liên hệ:**  Đưa các thông tin để người duyệt web có thể liên hệ với người bán hàng qua địa chỉ, số điện thoại, email, …  Ngoài ra trên site cung cấp một form dạng “contact us” dành cho người duyệt web khi cần liên hệ hoặc gửi ý kiến, nhận xét. |
| 6. Quản lý quảng cáo | - Chức năng hiển thị quảng cáo trên trang website bán hàng  - Chức năng thêm, xóa, sửa, khóa quảng cáo  + Tổng hợp các hình ảnh về các sản phẩm mới có hoặc được mua nhiều nhất.  + Danh sách các quảng cáo:  • Hình ảnh  • Ghi chú Link tới website |
| 7. Tìm kiếm trên website | - Hệ thống tìm kiếm giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm sản phẩm mà mình mong muốn bằng cách nhập vào một từ khóa. Products Catalog sẽ liệt kê tên kèm theo những mô tả và các thông tin liên quan về sản phẩm.  - Hệ thống tìm kiếm linh hoạt cho phép tìm kiếm theo nhiều lựa chọn. |

## **2.2. Chương trình demo**

# **Kết luận**

Trong thời gian vừa qua, với sự chỉ bảo và hướng dẫn của cô cùng sự cố gắng của bản thân, môn thực tập cơ sở với đề tài *Tìm hiểu HTML, CSS thiết kế giao diện trang webite bán hàng* của em đã hoàn thành.

Tuy nhiên bài của em còn có một số hạn chế. Vì vậy em mong muốn nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để đề tài thực tập cơ sở của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!

# **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

<https://vi.wikipedia.org/wiki/HTML>

<https://www.hostinger.vn/huong-dan/css-la-gi/>